TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 21/3/2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Trịnh Văn Lộc
Bà Nguyễn Huỳnh Hoa
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đình Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Âu Hoàng Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 21/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 187/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21/02/2023 giữa các đương sự:

- *N đơn*: Bà Lý Thu T, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông Lâm Hồng T1, sinh năm 1978; Địa chỉ: khóm C, Phường A, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2022 (BL01) biên bản ghi lời khai ngày 16/11/2022 (BL29) cũng như quá trình giải quyết vụ án N đơn bà Lý Thu T trình bày: Bà Lý Thu T và ông Lâm Hồng T1 tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào ngày 02/01/2003, tại Ủy ban nhân dân xã VC, huyện Vĩnh Châu (nay là UBND Phường A, thị xã VC), tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian đầu chung sống rất yên ổn, nhưng được một thời gian thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, bất đồng ý kiến, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và hai người đã sống ly thân từ tháng 3/2022 cho đến nay. trong quá trình chung sống với nhau có hai người con chung là cháu Lâm Thu N (nữ), sinh ngày 04/10/2003 và cháu

Lâm Phu P (nữ), sinh ngày 22/12/2006. Hiện hai cháu đang sống cùng bà T. Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia với nhau. Về nợ chung không có nợ chung.

Nay bà Lý Thu T nhận thấy tình cảm hôn nhân không còn hạnh phúc do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Lâm Hồng T1. Về con chung: Cháu Lâm Thu N (nữ), sinh ngày 04/10/2003 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Cháu Lâm Thu P (nữ), sinh ngày 22/12/2006 đã trên 07 tuổi, bà T tôn trọng ý kiến của cháu muốn sống với cha hay với mẹ thì cho người đó nuôi dưỡng. Nếu cháu P muốn sống với bà T thì bà T đồng ý nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Lâm Hồng T1 thực hiện cấp dưỡng nuôi con, nếu cháu muốn sống với anh Lâm Hồng T1 thì bà T cũng đồng ý và không thực hiện cấp dưỡng. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia với nhau, nên không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T1, nhưng ông T1 không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà T, đồng thời ông T1 cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, N đơn chấp hành đúng pháp luật, quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông T1; Về con chung: giao con chung Lâm Thu P (nữ), sinh ngày 22/12/2006 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu P đủ 18 tuổi và cũng theo nguyện vọng của cháu P nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau, cháu P có nguyện vọng sống chung với mẹ. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T1 phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lâm Thu N hiện đã thành niên đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Bà T khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Bà T khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông T1, nhưng ông T1 vẫn vắng mặt không có lý do, bà T có đơn xin xét

xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà T và ông T1 theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 20/6/2022 bà Lý Thu T yêu cầu được ly hôn với ông Lâm Hồng T1 có nơi cư trú tại khóm C, phường A, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thu T, nhận thấy bà T và ông T1 tự nguyện sống chung với nhau năm 2003, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Châu, huyện Vĩnh Châu (nay là Ủy ban nhân dân phường A, thị xã VC), tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/01/2003. Quan hệ hôn nhân của bà T và ông T1 không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, N nhân chính là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau thường hay xảy ra mâu thuẫn cải vã nhau. Bà T nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với ông T1 nên có nguyện vọng ly hôn. Bà T và ông T1 đã không còn chung sống với nhau khoảng từ khoảng tháng 3 năm 2022 cho đến nay từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông T1.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau bà T và ông T1 có 02 con chung tên Lâm Thu N (nữ), sinh ngày 04/10/2003, cháu Lâm Thu P (nữ), sinh ngày 22/12/2006 hiện đang do bà T nuôi dưỡng, tùy nguyện vọng của cháu P muốn sống với cha hay với mẹ thì người đó nuôi dưỡng và ý kiến trình bày của cháu P nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau, cháu P có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Để đảm bảo cuộc sống của cháu P không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về T1, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Lâm Thu P (nữ), sinh ngày 22/12/2006 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Xét thấy, bà T hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Lâm Thu N (nữ), sinh ngày 04/10/2003 hiện đã thành niên có khả năng tự lao động để nuôi

sống bản thân các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà T khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà T khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của N đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn bà Lý Thu T đối với bị đơn ông Lâm Hồng T1.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thu T được ly hôn với ông Lâm Hồng T1.

- Về con chung: Giao con chung Lâm Thu P (nữ), sinh ngày 22/12/2006 cho bà Lý Thu T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Ông Lâm Hồng T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ông T1 không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lâm Thu P của bà Lý Thu T thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

Đối với cháu Lâm Thu N (nữ), sinh ngày 04/10/2003 hiện đã thành niên các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà T khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà T khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Lý Thu T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai số 0006009, ngày 23/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà T đã thực hiện xong. Ông Lâm Hồng T1 không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- UBND phường A;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Chiêu Hùng